

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày 13 – 11 - 2019

V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thị Nghi;

2. Ông Nguyễn Đức Nghiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Ng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần T, sinh năm 1991 (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Trần Ng, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Đều có địa chỉ cư trú tại: Thôn V, xã L, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 30 tháng 8 năm 2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần T trình bày: Anh và chị Trần Ng kết hôn ngày 10 tháng 7 năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới chị Ng về chung sống cùng gia đình anh. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày, ngoài ra chị Ng còn có những lời nói, cư xử không đúng mực, xúc phạm tới gia đình anh, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị Ng không

nghe. Ngày 26 tháng 8 năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị Ng chuyển đi nơi khác không ở cùng anh, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Ng.

Bị đơn, chị Trần Ng vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản tự khai ngày 23 tháng 9 năm 2019 chị Ng trình bày: Chị và anh Trần T kết hôn ngày 10 tháng 7 năm 2019, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn với anh T chị đã có 01 con riêng là cháu Phạm N, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2015. Sau khi kết hôn chị và cháu N về chung sống cùng gia đình anh T. Quá trình chung sống, chị và anh T thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T vẫn còn liên quan tới vợ cũ dẫn tới vợ chồng bất đồng trong cuộc sống, một phần nguyên nhân nữa là do mẹ chồng và anh T không thích chị đưa cháu N về sống chung, cho nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không quan tâm đến chị. Ngày 26 tháng 8 năm 2019 chị và cháu N đã về nhà mẹ đẻ chị ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình vợ chồng ly thân, hai bên gia đình có giàn xếp, hòa giải nhưng không thành, anh T cũng không liên hệ hay thăm hỏi chị. Nay anh T có đơn khởi kiện xin ly hôn chị, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Về con chung: Anh T và chị Ng đều xác định anh chị không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Anh T, chị Ng đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Trần T và chị Trần Ng được ly hôn. Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Trần Ng có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn V, xã L, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện TD thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về việc vắng mặt bị đơn: Bị đơn chị Trần Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, chị Ng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật được, nên theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án

dân sự không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa chị Ng vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần T và chị Trần Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Qua thu thập chứng cứ tại địa phương nơi anh T và chị Ng chung sống, cũng như lời trình bày của anh T và chị Ng đều xác định anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày, ngoài ra giữa chị Ng, anh T và gia đình anh T không đồng nhất về việc chị Ng đưa con riêng của chị về chung sống cùng gia đình chồng. Nên ngày 26 tháng 8 năm 2019 chị Ng và con riêng của chị về nhà mẹ đẻ chị ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai bên đều không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Anh T, chị Ng đều xác định tình vợ chồng không còn điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được anh T xin ly hôn, chị Ng cũng đồng ý. Do vụ án không tiến hành hòa giải được nên cần xử cho anh Trần T và chị Trần Ng được ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Do anh T và chị Ng đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần T và chị Trần Ng được ly hôn.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tạm ứng án

phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002864 ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện TD;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD;
- Các đương sự.
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Bích Ngọc